

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TML22B4** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02231** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Tin học**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2255202052010	Quách Võ Thái An	23/02/2007				9.5	9.5				8.0		8.6
2	2255202052011	Trần Hoài An	21/09/2006				9	9.0				9.0		9.0
3	2255202052012	Võ Quốc Anh	07/09/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
4	2255202052013	Nguyễn Quang Gol	23/03/2007				8.5	8.5				9.0		8.8
5	2255202052014	Phạm Ngọc Hải	01/02/2007				9.5	9.5				9.0		9.2
6	2255202052015	Đoàn Quốc Khánh	17/04/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
7	2255202052016	Trần Nguyễn Đăng Khoa	29/07/2007				8.5	8.5				9.0		8.8
8	2255202052017	Nguyễn Văn Kiên	09/04/2007				8.5	8.5				9.0		8.8
9	2255202052018	Trần Diệp Minh Nghĩa	19/02/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
10	2255202052019	Huỳnh Hoàng Nghiêm	12/09/2007				8.5	8.5				8.0		8.2
11	2255202052020	Cao Kiên Nhân	25/10/2006				9	9.0				7.5		8.1
12	2255202052021	Lê Phú Nhựt	30/01/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
13	2255202052022	Trần Nguyễn Hữu Phát	12/04/2007				8.5	8.5				8.0		8.2
14	2255202052023	Đinh Oai Phong	09/11/2006				8.5	8.5				8.5		8.5
15	2255202052024	Nguyễn Đình Phong	21/12/2007				9	9.0				8.5		8.7
16	2255202052025	Khuru Đặng Thiên Phú	21/07/2007				9	9.0				9.0		9.0
17	2255202052026	Lê Minh Phú	25/01/2007				8.5	8.5				9.0		8.8
18	2255202052027	Phan Thành Qui	09/10/2007				8.5	8.5				8.5		8.5
19	2255202052028	Bùi Tấn Tài	02/12/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
20	2255202052029	Võ Anh Tài	20/09/2007				9	9.0				9.0		9.0
21	2255202052030	Đoàn Hữu Thành	20/02/2007				9	9.0				8.5		8.7
22	2255202052031	Lê Phạm Minh Thành	30/05/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
23	2255202052032	Nguyễn Phước Trường	16/09/2007				9	9.0				9.5		9.3
24	2255202052033	Trần Vĩnh Khang	22/03/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0
25	2255202052034	Trần Gia Kiệt	08/11/2004				9.5	9.5				0.0		3.8

Châu Đốc, ngày 20 tháng 2 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Văn Sang